The Current Situation and Solutions for Career Orientation among Tourism Students at East Asia University of Technology

Thực trạng và giải pháp định hướng nghề nghiệp cho sinh viên khoa Du lịch, trường Đại học Công nghệ Đông Á

Nguyễn Thị Thùy Trang

Khoa Du lịch, Trường Đại học Công nghệ Đông Á

*Email: trangntt@eaut.edu.vn

Tóm tắt

Định hướng nghề nghiệp có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ sinh viên xác định mục tiêu nghề nghiệp, chuẩn bị năng lực cần thiết và nâng cao khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Tuy nhiên, tại nhiều cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam, hoạt động này vẫn chưa được triển khai một cách đồng bộ và hiệu quả, đặc biệt đối với các ngành đào tạo có tính ứng dụng cao như Du lịch. Nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích thực trạng định hướng nghề nghiệp của sinh viên năm thứ ba và năm thứ tư tại Khoa Du lịch, Trường Đại học Công nghệ Đông Á. Phương pháp nghiên cứu bao gồm tổng hợp tài liệu và khảo sát 102 sinh viên. Kết quả cho thấy phần lớn sinh viên có mức độ nhận thức về bản thân và nghề nghiệp tương lai ở mức trung bình khá; việc chuẩn bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp đã được quan tâm nhưng chưa đồng đều; trong khi khả năng xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp còn hạn chế. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài báo đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác định hướng nghề nghiệp, góp phần hỗ trợ sinh viên chuẩn bị tốt hơn cho quá trình tham gia thị trường lao động sau khi tốt nghiệp.

Từ khóa: *định hướng nghề nghiệp, tư vấn nghề nghiệp, sinh viên, việc làm.*

Abstract

Career orientation plays an important role in helping students identify career goals, develop essential competencies, and enhance their ability to meet labor market demands. However, at many higher education institutions in Vietnam, career orientation activities have not been implemented in a systematic and effective manner, particularly in application-oriented disciplines such as Tourism. This study aims to analyze the current situation of career orientation among third- and fourth-year students at the Faculty of Tourism, East Asia University of Technology. The research employed document analysis and a survey of 102 students. The findings indicate that most students demonstrate a moderate level of self-awareness and understanding of their future careers. Although students have paid attention to developing professional knowledge and skills, the level of preparation remains uneven. In addition, their ability to develop clear career plans is still limited. Based on the research findings, several solutions are proposed to enhance the effectiveness of career orientation activities, thereby helping students better prepare for entering the labor market after graduation.

Keywords: *career counseling, career orientation, students, employment.*

DOI: https://doi.org/10.65153/wpm3wd65

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, thị trường lao động ngày càng biến động và đòi hỏi cao hơn đối với nguồn nhân lực, đặc biệt về kỹ năng nghề nghiệp, khả năng thích ứng và định hướng phát triển cá nhân [3]. Đối với ngành Du lịch có tính thực tiễn cao, người lao động không chỉ cần kiến thức chuyên môn mà còn phải sở hữu kỹ năng mềm, thái độ nghề nghiệp và khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động [4]. Thực tiễn cho thấy, một bộ phận không nhỏ sinh viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo vẫn đối mặt với nhiều khó khăn trong quá trình tìm kiếm việc làm phù hợp với lĩnh vực chuyên ngành đã được đào tạo [2]. Một nguyên nhân quan trọng là sự thiếu rõ ràng trong định hướng nghề nghiệp ngay từ khi còn học đại học. Sinh viên thường lựa chọn ngành học dựa trên xu hướng xã hội, ảnh hưởng từ người thân, bạn bè hoặc cơ hội trúng tuyển thay vì dựa trên sự hiểu biết đầy đủ về bản thân và đặc điểm nghề nghiệp [7].

Tại Việt Nam, số lượng sinh viên tốt nghiệp ra trường làm việc trái ngành khá phổ biến, phản ánh khoảng cách lớn giữa thực tế đào tạo và nhu cầu thị trường lao động. Song song với đó, phía doanh nghiệp cũng phản ánh rằng nguồn nhân lực mới ra trường còn thiếu kỹ năng thực tiễn, kỹ năng ứng dụng và khả năng hòa nhập nhanh vào môi trường công việc [6]. Điều này cho thấy khoảng cách giữa đào tạo đại học và nhu cầu thực tiễn vẫn còn khá lớn.

Trong bối cảnh đó, công tác định hướng nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học đóng vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên hiểu rõ bản thân, nắm bắt yêu cầu nghề nghiệp và xây dựng lộ trình phát triển phù hợp. Tuy nhiên, hoạt động này tại nhiều cơ sở đào tạo đại học vẫn chưa được chú trọng đúng mức, đặc biệt đối với ngành Du lịch – lĩnh vực đào tạo có tính ứng dụng cao và chịu nhiều tác động từ sự biến động của thị trường lao động.

Đã có nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đề cập đến định hướng nghề nghiệp và tư vấn nghề nghiệp cho sinh viên đại học. Các nghiên cứu tập trung vào vai trò của hoạt động hướng nghiệp, các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp cũng như khả năng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên sau tốt nghiệp. Tại Việt Nam, một số nghiên cứu cũng đã chỉ ra sự cần thiết của việc tăng cường hoạt động tư vấn nghề nghiệp và kết nối giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp nhằm nâng cao khả năng tìm kiếm việc làm của sinh viên. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu được thực hiện đối với sinh viên đại học nói chung, trong khi các nghiên cứu chuyên sâu đối với sinh viên ngành Du lịch tại từng cơ sở đào tạo cụ thể còn hạn chế. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích thực trạng định hướng nghề nghiệp của sinh viên Khoa Du lịch, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác định hướng nghề nghiệp trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp kết hợp giữa phân tích tài liệu và khảo sát bằng bảng hỏi.

Nguồn dữ liệu thứ cấp được khai thác từ các nghiên cứu đã công bố ở trong và ngoài nước về các chủ đề định hướng nghề nghiệp, đào tạo đại học và thị trường lao động.

Dữ liệu sơ cấp được thu thập từ tháng 3 đến tháng 4 năm 2023 thông qua khảo sát trực tuyến đối với 102 sinh viên năm thứ ba và năm thứ tư đang theo học tại Khoa Du lịch, Trường Đại học Công nghệ Đông Á. Phương pháp chọn mẫu phi xác suất được sử dụng do hạn chế về điều kiện tiếp cận đối tượng khảo sát.

Nội dung khảo sát tập trung vào ba nhóm vấn đề: (1) nhận thức bản thân và ngành học; (2) mức độ chuẩn bị về kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp; (3) định hướng nghề nghiệp. Dữ liệu được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả thông qua Google Forms.

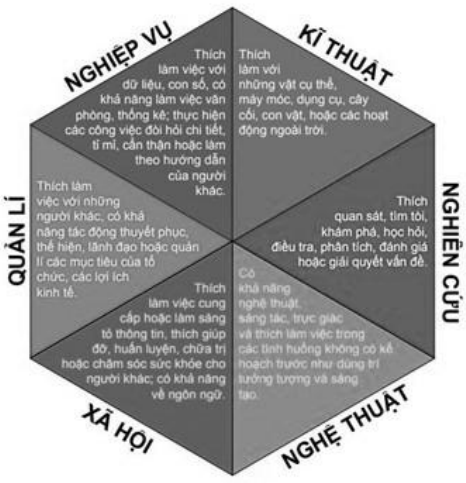
3. Cơ sở lý luận về định hướng nghề nghiệp

Liên quan đến lý thuyết hướng nghiệp có thể kể đến một vài lý thuyết nổi bật:

3.1. Lý thuyết mật mã Holland

Lý thuyết mật mã Holland do nhà tâm lý học John Holland đề xuất và là một trong những lý thuyết có ảnh hưởng lớn trong lĩnh vực hướng nghiệp [8]. Theo lý thuyết này, sự phù hợp giữa đặc điểm tính cách của cá nhân và môi trường nghề nghiệp có tác động quan trọng đến sự hài lòng, hiệu quả làm việc và khả năng phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

Holland cho rằng mỗi cá nhân có thể được nhận diện thông qua sáu nhóm tính cách cơ bản gồm: nhóm kỹ thuật, nhóm nghiên cứu, nhóm nghệ thuật, nhóm xã hội, nhóm quản lý và nhóm nghiệp vụ. Mỗi nhóm tính cách có xu hướng phù hợp với những môi trường nghề nghiệp khác nhau.

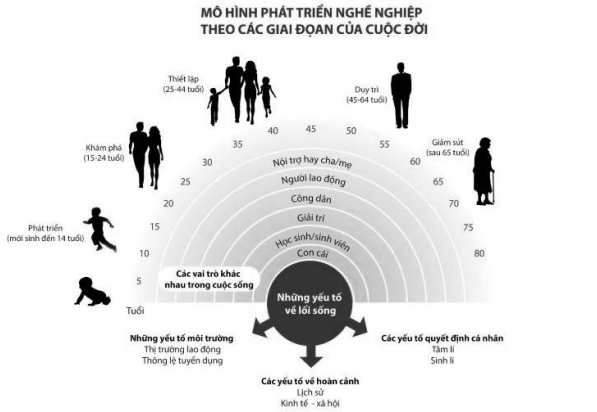


Hình 1. 6 nhóm tính cách theo lý thuyết mật mã Holland [8]

Trong thực tế, tính cách của mỗi cá nhân thường là sự kết hợp của nhiều nhóm tính cách khác nhau. Do đó, việc nhận thức đúng về đặc điểm cá nhân có ý nghĩa quan trọng trong quá trình lựa chọn ngành học và định hướng nghề nghiệp. Đây cũng là cơ sở để nghiên cứu xem xét mức độ nhận thức của sinh viên về năng lực, sở trường và sự phù hợp giữa bản thân với ngành học hiện tại.

3.2. Lý thuyết phát triển nghề nghiệp theo giai đoạn

Lý thuyết phát triển nghề nghiệp theo giai đoạn của Super [9] cho rằng phát triển nghề nghiệp thay đổi theo thời gian, là hành trình xuyên suốt cuộc đời, gắn với nhiều vai trò và trải nghiệm khác nhau. Theo đó, nghề nghiệp chỉ là một trong số nhiều vai trò mà mỗi người phải hoàn thành trong cuộc đời và không có một đáp án cố định cho câu hỏi "Tôi nên làm công việc gì?" mà câu trả lời này có thể thay đổi theo từng giai đoạn đời sống cá nhân và các tương tác xã hội [9].



Hình 2. Mô hình lý thuyết phát triển nghề nghiệp theo giai đoạn [9]

Theo Super, phát triển nghề nghiệp là quá trình tích lũy kinh nghiệm, kiến thức và sự tự nhận thức để từng bước xác định công việc phù hợp với bản thân. Vì vậy, việc xây dựng kế hoạch nghề nghiệp cần được thực hiện từ sớm và điều chỉnh phù hợp với từng giai đoạn phát triển của cá nhân.

Đối với sinh viên đại học, đây là giai đoạn quan trọng để chuẩn bị kiến thức, kỹ năng và xây dựng định hướng nghề nghiệp cho tương lai. Lý thuyết này là cơ sở để nghiên cứu đánh giá mức độ chuẩn bị nghề nghiệp và khả năng xây dựng kế hoạch nghề nghiệp của sinh viên Khoa Du lịch.

3.3. Lý thuyết hỗn loạn về nghề nghiệp

Lý thuyết hỗn loạn về nghề nghiệp được phát triển bởi Bright và Pryor (2007), nhấn mạnh rằng môi trường nghề nghiệp luôn biến động và khó dự đoán [10]. Theo quan điểm này, sự thay đổi của công nghệ, kinh tế và xã hội có thể tác động đáng kể đến quá trình lựa chọn và phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân.

Trong bối cảnh đó, thành công nghề nghiệp không chỉ phụ thuộc vào kiến thức chuyên môn mà còn đòi hỏi khả năng thích ứng, tinh thần học hỏi và sự sẵn sàng trước những thay đổi của thị trường lao động. Cá nhân cần liên tục cập nhật năng lực, tích lũy kinh nghiệm và phát triển các kỹ năng cần thiết để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong từng giai đoạn khác nhau.

Đối với sinh viên ngành Du lịch, khả năng thích ứng càng trở nên quan trọng khi ngành Du lịch chịu tác động mạnh từ các yếu tố kinh tế, công nghệ và xu hướng tiêu dùng. Vì vậy, lý thuyết này cung cấp cơ sở để xem xét mức độ chuẩn bị của sinh viên trước yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

3.4. Hướng nghiệp ở Việt Nam hiện nay

Tại các quốc gia phát triển, công tác hướng nghiệp được chú trọng và triển khai rất sớm, ngay từ bậc giáo dục tiểu học với sự tham gia, phối hợp của đa dạng thành phần trong xã hội như: giáo viên và nhà trường, các chuyên gia tư vấn chuyên trách, doanh nghiệp, phụ huynh học sinh và không thể kể đến vai trò của Nhà nước. Trong đó cơ sở giáo dục, chuyên gia tư vấn, phụ huynh học sinh và doanh nghiệp có trách nhiệm tham gia trực tiếp vào công tác hướng nghiệp, Nhà nước đóng vai trò tạo cơ sở hành lang pháp lý thông qua các văn bản luật và không thể kể đến công tác phân luồng học sinh.

Ở nước ta, Luật Giáo dục 2019 ghi rõ hướng nghiệp là "hệ thống các biện pháp tiến hành trong và ngoài cơ sở giáo dục để giúp học sinh có kiến thức về nghề nghiệp, khả năng lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường của cá nhân với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội" [5].

Theo quy định mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp, các cơ sở giáo dục đại học cần triển khai đồng bộ nhiều hình thức hỗ trợ sinh viên [1]. Cụ thể, nhà trường hướng dẫn sinh viên tiếp cận thông tin thị trường lao động; cung cấp công cụ đánh giá năng lực cá nhân; tổ chức rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp thông qua hoạt động ngoại khóa và xã hội; triển khai các chương trình đào tạo, trải nghiệm tại doanh nghiệp; đồng thời tổ chức ngày hội việc làm định kỳ ít nhất một lần mỗi năm học.

Từ những phân tích trên, hướng nghiệp được xem là hệ thống các hoạt động có tổ chức, do các chủ thể khác nhau thực hiện, nhằm giúp cá nhân nhận thức đúng về bản thân và thị trường lao động, từ đó lựa chọn nghề nghiệp phù hợp và nâng cao khả năng thích ứng nghề trong tương lai. Hướng nghiệp nói chung bao gồm tư vấn hướng nghiệp ở bậc Trung học phổ thông giúp học sinh định hướng, lựa chọn nghề nghiệp tương lai phù hợp với đặc điểm tính cách, năng lực cá nhân, hoàn cảnh gia đình… và định hướng nghiệp ở bậc đại học, giúp sinh viên tích lũy các kiến thức, kỹ năng cần thiết mà nghề nghiệp tương lai yêu cầu cũng như giúp sinh viên kết nối hiệu quả với thị trường lao động.

Thực tế ở nước ta, công tác tư vấn hướng nghiệp ở bậc trung học phổ thông đang được tập trung hơn với tâm lý xem mục đích của hướng nghiệp chỉ là giúp đối tượng học sinh tìm hiểu và lựa chọn ngành học phù hợp mà quên mất định hướng, tư vấn nghề nghiệp ở bậc đại học đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc giúp sinh viên tích lũy kiến thức chuyên ngành, chuẩn bị cho mình một thái độ đúng đắn và chuẩn bị cho kế hoạch phát triển sự nghiệp trong tương lai.

Trên cơ sở kế thừa các quan điểm nghiên cứu nêu trên, trong phạm vi bài báo này, định hướng nghề nghiệp được hiểu là quá trình sinh viên nhận thức về năng lực, sở trường và giá trị nghề nghiệp của bản thân; tìm hiểu đặc điểm, yêu cầu của nghề nghiệp; chuẩn bị kiến

thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết; đồng thời xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

Từ quan niệm trên, nghiên cứu đánh giá thực trạng định hướng nghề nghiệp của sinh viên Khoa Du lịch thông qua ba nhóm nội dung chính gồm: (1) nhận thức bản thân và ngành học; (2) mức độ chuẩn bị kiến thức, kỹ năng, thái độ và kinh nghiệm nghề nghiệp; (3) xây dựng kế hoạch và định hướng phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Về nhận thức bản thân đối với đặc điểm ngành học

Đầu tiên, để khảo sát đánh giá về mức độ nhận thức của sinh viên đối với sở trường/năng lực của bản thân, tác giả đưa ra câu hỏi "Mức độ nhận thức của bạn về sở trường/năng lực của mình?". Với câu hỏi này có 2,4% sinh viên lựa chọn câu trả lời "rất tốt", 28,6% ở mức "tốt", 64,3% tự nhận thấy mức độ nhận thức sở trường ở mức "trung bình khá", 4,8% lựa chọn mức "trung bình" và không có sinh viên nào tự đánh giá mức độ nhận thức "kém". Kết quả này phù hợp với lý thuyết của Holland khi nhiều cá nhân chưa xác định rõ kiểu tính cách nghề nghiệp của mình, dẫn đến việc lựa chọn ngành học chưa thực sự phù hợp.

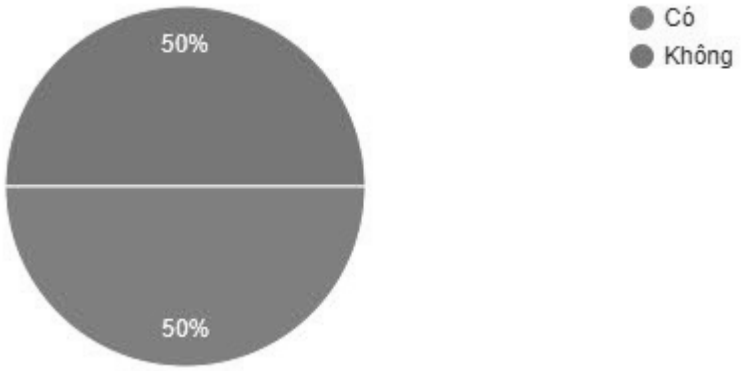
Theo khảo sát của tác giả có 40,5% trong số tổng sinh viên được hỏi lựa chọn ngành học vì phù hợp với đam mê, sở thích, 23,8% lựa chọn vì phù hợp với xu thế xã hội, 21,4 % lý do khác, 11,9% ảnh hưởng từ gia đình, bạn bè… và 2,4% là bởi cơ hội trúng tuyển cao/điểm thi đầu vào phù hợp với năng lực.



Biểu đồ 1. Lý do chọn ngành học hiện tại *(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, năm 2023)*

Điều này cho thấy mức độ tương quan giữa xu hướng tính cách, đặc điểm cá nhân và sự lựa chọn ngành học của sinh viên khoa Du lịch, đại học Công nghệ Đông Á ở mức trung bình (chưa đến 50%). Học sinh khi đứng trước ngưỡng cửa lựa chọn các trường đại học vẫn còn bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như gia đình, bạn bè, ngành nghề đang là xu hướng, tác động của truyền thông… mà chưa chú trọng đến việc những đam mê, sở thích cũng như năng lực của bản thân có phù hợp với các đặc điểm mà công việc tương lai đòi hỏi hay không. Bên cạnh đó xã hội nhìn chung vẫn còn tồn tại tâm lý phải có bằng cử nhân bằng mọi giá và kém ưu tiên các lựa chọn khác như học nghề. Điều này dẫn đến thực trạng sinh viên khi học tập ở

trường đại học rồi mới nhận thấy ngành học không phù hợp với bản thân, dẫn đến tâm lý chán nản và thậm chí là tăng tỷ lệ nghỉ học giữa chừng.



Biểu đồ 2. Tỷ lệ sinh viên từng có ý định nghỉ học/chuyển ngành học do cảm thấy năng lực/đam mê của bản thân không phù hợp với ngành học hiện tại *(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, năm 2023)*

Kết quả khảo sát chỉ ra rằng có đến 50% số sinh viên được hỏi từng có ý định nghỉ học/chuyển ngành học do cảm thấy năng lực/đam mê của bản thân không phù hợp với ngành học hiện tại.

4.2. Mức độ tích lũy kiến thức, kỹ năng, thái độ và kinh nghiệm nghề nghiệp của sinh viên

Khi được hỏi về mức độ hình dung về công việc tương lai, chỉ có 16,7% số sinh viên tham gia khảo sát đánh giá mức độ hiểu biết của bản thân vào loại "rất tốt", 42,9% lựa chọn "tốt", 26,2% ở mức "trung bình khá", 14,3% ở mức "trung bình" và không có sinh viên nào lựa chọn "kém".

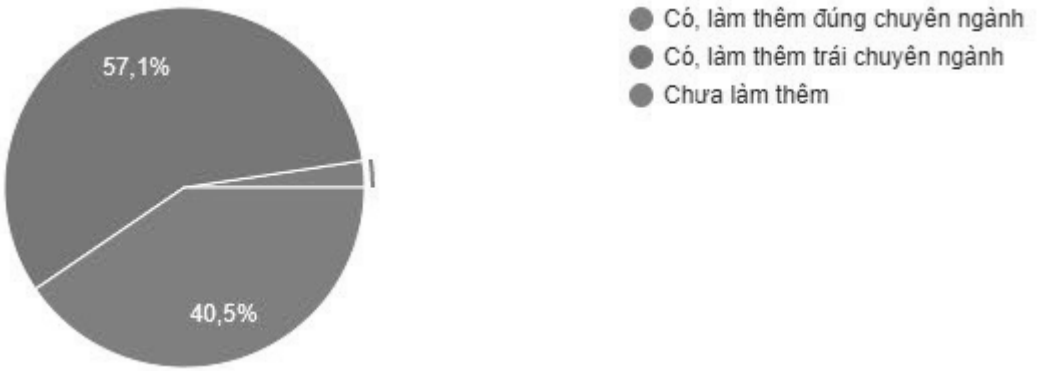
Đối với mức độ tự tin về kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng nghề nghiệp trong tương lai, không có sinh viên nào tự đánh giá mức "rất tốt", 28,6% mức "tốt", 61,9% lựa chọn mức "trung bình khá", 9,5% mức "trung bình" và không có ai lựa chọn "kém".

Để khảo sát thực tế năng lực kỹ năng mềm của các bạn sinh viên, tác giả đưa ra câu hỏi "mức độ tự tin của bạn về các kỹ năng mềm (thuyết trình, đàm phán, công nghệ thông tin, làm việc nhóm…). Kết quả đưa ra không có sinh viên nào lựa chọn mức "rất tốt", 35,7% lựa chọn tốt, 50% lựa chọn "trung bình khá", 14,3% số sinh viên được hỏi lựa chọn mức "trung bình" và không có ai chọn mức "kém". Điều này phản ánh khoảng cách giữa đào tạo và yêu cầu thực tiễn, phù hợp với nghiên cứu của Sigala [9] về sự thiếu hụt kỹ năng trong ngành du lịch.

Thực tế hiện nay, các doanh nghiệp nhìn chung đánh giá có sự khoảng cách khá xa giữa yêu cầu đáp ứng công việc và thực tế năng lực của các bạn sinh viên mới ra trường nhận việc thể hiện. Để làm rõ hơn nội dung này, tác giả đưa ra câu hỏi "Mức độ chênh lệch giữa những gì bạn được học và thực tế công việc sau khi bạn tham gia các buổi thực tế/ khóa thực

tập?". Kết quả có 2,4% sinh viên lựa chọn ở mức "rất khác biệt", 19% lựa chọn mức "khác biệt", 38,1% đánh giá khoảng cách này ở mức "tương đối khác biệt", 33,3% lựa chọn "hơi khác biệt" và 7,1% ở mức "không khác biệt".

Làm thêm là một thực tế hiện nay của rất nhiều sinh viên ngành du lịch. Tuy nhiên mỗi sinh viên lại có mục đích, động cơ khác nhau khi lựa chọn công việc làm thêm cho riêng mình như: kiếm tiền, tích lũy kinh nghiệm, tìm kiếm trải nghiệm… hoặc kết hợp nhiều mục đích khác nhau. Khi được hỏi đã từng đi làm thêm hay chưa, có 57,1% sinh viên đã từng đi làm thêm nhưng trái chuyên ngành, 40,5% đi làm thêm đúng chuyên ngành và chỉ 2,4% chưa từng đi làm thêm.



Biểu đồ 3. Tỷ lệ sinh viên đi làm thêm *(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, năm 2023)*

Nhìn chung, sinh viên chưa thực sự tự tin về mức độ tích lũy kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho tương lai, bao gồm cả các kỹ năng mềm; đồng thời, họ có xu hướng tự đánh giá năng lực của bản thân ở mức trung bình khá. Sự thiếu tự tin này có nhiều nguyên do, ví dụ như: chưa có sự hiểu biết đúng đắn về công việc tương lai, cụ thể không biết ở vị trí việc làm tương lai bản thân sẽ phải làm những công việc gì, chưa nhận thức rõ ràng về các yêu cầu kỹ năng, thái độ… Bên cạnh đó, hầu hết sinh viên cũng chưa chủ động tiếp cận sớm với công việc tương lai thông qua việc làm thêm đúng chuyên ngành.

Kết quả này cũng cho thấy khả năng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên còn hạn chế. Theo quan điểm của Bright và Pryor (2007), trong bối cảnh thị trường lao động luôn biến động, người lao động cần chủ động tích lũy kinh nghiệm thực tiễn, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực thích ứng để đáp ứng yêu cầu của công việc trong tương lai.

4.3. Về lộ trình xây dựng kế hoạch định hướng nghề nghiệp

Với câu hỏi khảo sát "Mức độ hiểu biết của bạn về các kênh thông tin việc làm?", không có ai lựa chọn mức "rất tốt", 31,1% lựa chọn mức "tốt", 57,1% lựa chọn mức "trung bình khá", 9,5% lựa chọn mức "trung bình" và có 2,4% số sinh viên được hỏi lựa chọn "kém".

Làm hồ sơ, phỏng vấn việc làm là một kỹ năng quan trọng để có thể có cho mình một công việc như ý. Khảo sát về mức độ tự tin của sinh viên năm thứ ba và năm thứ tư Khoa Du

lịch, Đại học Công nghệ Đông Á về nội dung này, không có ai đánh giá bản thân ở mức "rất tốt", 21,4% ở mức "tốt", 42,9% lựa chọn mức "trung bình khá", 31% ở mức "trung bình" và có 4,8% ở mức "kém".

Đối với nội dung kế hoạch xây dựng kế hoạch nghề nghiệp trong tương lai, có 50% trong tổng số sinh viên tham gia khảo sát cho biết họ đã nghĩ đến nhưng chưa thực hiện, 40,5% có xây dựng kế hoạch nghề nghiệp, trong khi đó 9,5% sinh viên chưa từng thực hiện nội dung này.

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ sinh viên có ý thức xây dựng kế hoạch nghề nghiệp cho tương lai chỉ đạt mức trung bình (40,5%). Đồng thời, mức độ hiểu biết về thị trường lao động cũng như các kỹ năng liên quan đến tìm kiếm việc làm, như chuẩn bị hồ sơ và tham gia phỏng vấn, chủ yếu dừng ở mức trung bình khá. Kết quả này có thể được giải thích theo lý thuyết của Super (1990), khi sinh viên chưa chủ động trong quá trình phát triển nghề nghiệp của mình. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và thị trường lao động biến động không ngừng, kết quả này cho thấy mức độ chuẩn bị hiện tại của sinh viên chưa đủ để đáp ứng yêu cầu, đặc biệt về năng lực và tính chủ động trong việc nắm bắt các cơ hội nghề nghiệp trong tương lai.

5. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác định hướng nghề nghiệp cho sinh viên Khoa Du lịch, Trường Đại học Công nghệ Đông Á

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên Khoa Du lịch đã có những nhận thức nhất định về ngành học và nghề nghiệp tương lai. Tuy nhiên, mức độ hiểu biết về bản thân, khả năng chuẩn bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cũng như việc xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp vẫn còn những hạn chế nhất định. Tỷ lệ sinh viên có kế hoạch nghề nghiệp rõ ràng chưa cao, trong khi nhiều sinh viên còn thiếu tự tin về năng lực nghề nghiệp và chưa chủ động tiếp cận các cơ hội nghề nghiệp liên quan đến chuyên ngành đào tạo. Trên cơ sở kết quả khảo sát và thực tiễn công tác đào tạo tại Khoa Du lịch, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác định hướng nghề nghiệp cho sinh viên như sau:

5.1. Thay đổi tư duy, nhận thức về định hướng nghề nghiệp

Kết quả khảo sát cho thấy chỉ 40,5% sinh viên lựa chọn ngành học vì phù hợp với đam mê, sở thích và có tới 50% sinh viên từng có ý định nghỉ học hoặc chuyển ngành do cảm thấy ngành học chưa phù hợp với năng lực hoặc định hướng cá nhân. Điều này cho thấy việc nâng cao nhận thức về ngành nghề và định hướng nghề nghiệp cần được thực hiện ngay từ giai đoạn tuyển sinh và xuyên suốt quá trình đào tạo.

Tư duy, nhận thức về định hướng nghề nghiệp là nội dung cốt lõi và bao trùm tác động đến mục tiêu, cách thức và hiệu quả hành động. Có một tư duy, nhận thức đúng đắn về vai trò của định hướng nghề nghiệp sẽ giúp cho công tác định hướng nghề nghiệp đạt hiệu quả như mong muốn. Để việc thực hiện được hiệu quả cần đến vai trò trước hết của Nhà trường thông qua các chủ trương, chính sách khuyến khích, hỗ trợ công tác định hướng nghề nghiệp được cụ thể hóa bằng các quy định, quy chế, đưa nội dung này vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo… Bên cạnh Nhà trường, các giảng viên bộ môn và cố vấn học tập cũng đóng vai trò quan trọng tác động lên tư duy của sinh viên thông qua các hoạt động mang tính chất chuyên

môn, các giờ học hàng ngày hay sự cố vấn kịp thời cho từng sinh viên của cố vấn học tập. Bộ phận Tuyển sinh cũng góp phần giúp các học sinh có ý định thi tuyển vào trường hiểu đúng về ngành, nghề mình lựa chọn tương lai, giúp các em có kiến thức đầy đủ về ngành học mình chọn, từ đó giảm thiểu tình trạng đăng ký ngành học theo xu hướng chủ quan, thiếu sự hiểu biết cần thiết.

5.2. Hoàn thiện nội dung định hướng nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu và đặc điểm của sinh viên

Xây dựng nội dung định hướng nghề nghiệp phù hợp sẽ giúp sinh viên cũng như những người thực hiện có cơ sở, căn cứ để hành động, tránh gây lãng phí thời gian, công sức, tiền bạc cũng như các nguồn lực khác. Xây dựng nội dung định hướng nghề nghiệp phù hợp chính là đảm bảo việc sinh viên không những trang bị cho mình những kiến thức chuyên ngành mà đi kèm với đó là những kỹ năng, thái độ cần có với công việc tương lai cũng như xây dựng cho mình một lộ trình phát triển sự nghiệp bền vững.

Nội dung định hướng nghề nghiệp cần được xây dựng theo hướng giúp sinh viên nhận diện năng lực, sở trường và mức độ phù hợp với nghề nghiệp; đồng thời hỗ trợ sinh viên xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp và nâng cao khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động. Bên cạnh kiến thức chuyên môn, cần chú trọng các nội dung về kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tìm kiếm việc làm và năng lực học tập suốt đời.

5.3. Đa dạng hóa hình thức định hướng nghề nghiệp

Để công tác định hướng nghề nghiệp được xuyên suốt, nhất quán, cần đa dạng hóa các hình thức định hướng nghề nghiệp giúp sinh viên có thời gian thay đổi dần tư duy, nâng cao cơ hội cọ xát với thực tế, ví dụ như: tổ chức các talkshow trao đổi, tọa đàm; tổ chức Ngày hội việc làm cũng như tuyên truyền, khuyến khích sinh viên tham gia các chương trình có nội dung tương tự; thành lập các câu lạc bộ hướng đến mục đích cải thiện kỹ năng mềm; tạo kênh thông tin về thị trường việc làm để sinh viên có thể tìm hiểu, làm quen.

5.4. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Hướng nghiệp và Tư vấn việc làm theo mô hình Career Hub

Trường Đại học Công nghệ Đông Á đã có Trung tâm Hướng nghiệp và Tư vấn việc làm, tuy nhiên cần nâng cao hiệu quả theo hướng tích hợp và đồng hành xuyên suốt với sinh viên. Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc tăng cường gắn kết giữa hoạt động đào tạo và công tác dự báo nhu cầu thị trường lao động ngày càng trở nên cần thiết, nhằm hạn chế tình trạng lệch pha về kỹ năng giữa người học và yêu cầu của doanh nghiệp [3].

Theo đó, Trung tâm cần: (1) bổ sung hoạt động đánh giá năng lực và định hướng nghề nghiệp cá nhân hóa cho sinh viên ngay từ năm nhất; (2) tiếp tục phát huy và nâng cao chất lượng kết nối doanh nghiệp theo chiều sâu; và (3) xây dựng cơ chế theo dõi, hỗ trợ lộ trình phát triển nghề nghiệp thông qua hồ sơ năng lực và đánh giá định kỳ, gắn với xu hướng dự báo thị trường lao động.

Việc triển khai theo định hướng này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả định hướng nghề nghiệp và tăng khả năng đáp ứng yêu cầu thị trường lao động của sinh viên ngành du lịch.

6. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên Khoa Du lịch đã có nhận thức nhất định về ngành học và nghề nghiệp tương lai. Tuy nhiên, mức độ nhận thức về bản thân, sự chuẩn bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp vẫn chủ yếu ở mức trung bình khá. Tỷ lệ sinh viên có kế hoạch nghề nghiệp rõ ràng chưa cao và nhiều sinh viên chưa chủ động tiếp cận các cơ hội nghề nghiệp liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

Nghề nghiệp là một trong những yếu tố có tác động lớn đến sự thành công, chất lượng cuộc sống của mỗi người. Một công việc tốt ở tương lai được kiến tạo bởi những gì sinh viên được học và tiếp nhận ở trường Đại học. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và thị trường lao động biến động nhanh chóng, công tác định hướng nghề nghiệp ngày càng giữ vai trò quan trọng, được xem như định hướng chiến lược giúp sinh viên Khoa Du lịch, Trường Đại học Công nghệ Đông Á nói riêng và sinh viên nói chung nâng cao sự tự tin, tính chủ động, đồng thời trang bị năng lực và thái độ phù hợp trước khi gia nhập thị trường lao động. Việc triển khai hiệu quả hoạt động định hướng nghề nghiệp không chỉ góp phần nâng cao khả năng thành công nghề nghiệp của sinh viên trong tương lai mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện chất lượng đào tạo và nâng cao uy tín của Trường Đại học Công nghệ Đông Á trong hệ thống các trường đại học ngoài công lập tại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008). *Quy định về công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm trong các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp*.
2. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2021). Vấn đề việc làm của sinh viên Việt Nam sau khi ra trường hiện nay dưới góc nhìn của cặp phạm trù khả năng và hiện thực, *TNU Journal of Science and Technology,* 226(18), website: https://doi.org/10.34238/tnu-jst.5315.
3. Lê Thị Thu Hương và Phạm Ngọc Toàn (2024). Kinh nghiệm quốc tế về dự báo thị trường lao động trong bối cảnh chuyển đổi số và bài học cho Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển,* 329(2), website: https://doi.org/10.33301/JED.VI.2012.
4. Nguyễn Xuân Vinh (2023). Đánh giá của du khách và sinh viên du lịch về tầm quan trọng của kỹ năng mềm và kỹ năng giao tiếp trong hoạt động du lịch. *Tạp chí Khoa học Đại học Đông Á,* 2(3), website: https://doi.org/10.59907/daujs.2.3.2023.204.
5. Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục*.
6. Đặng Thu Thủy (2022). Định hướng nghề nghiệp cho sinh viên trong bối cảnh hiện nay. *Tạp chí Quản lý Giáo dục,* 14(2),
   website:
   https://scholar.dlu.edu.vn/thuvienso/bitstream/DLU123456789/177733/1/CVv385V14S22022038.pdf?utm_source=chatgpt.com.

7. British Council. (2020). *The Next Generation Vietnam: A study of Vietnamese youth*, website: https://www.britishcouncil.vn/sites/default/files/nghien-cuu-the-he-tre-viet-nam.pdf

Tài liệu nước ngoài

8. Holland, J. L. (1997). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments* (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.

9. Super, D. E. (1990). A life-span, life-space approach to career development. In D. Brown & L. Brooks (Eds.), *Career choice and development* (pp. 197–261). Jossey-Bass.

10. Jim E. H. Bright & Robert G. Pryor (2007). *Applying chaos theory to careers: Attraction and attractors. Journal of Vocational Behavior*, 71(3), 375–400.